

UNIT 1: HOME LIFE
VOCABULARY 2

1	gắn bó với nhau, khăng khít	
2	chia sẻ tình cảm với nhau	
3	an tâm, an toàn	
4	quyết định	
5	hòa đồng với	
6	thức ăn thừa	
7	qui tắc trong gia đình	
8	sửa chữa	
9	ông cố, ông cụ	
10	chơi xỏ ai	
11	hòa hợp(a)	
12	trải dài, tản ra	
13	ủng hộ	
14	thẳng thắn, trung thực	
15	thích hợp với ai; có hiệu quả	
16	đặt trước	
17	hợp lại	
18	được đặt ra, xảy đến	
19	riêng rẽ, tách biệt nhau	
20	bắt tay	
21	sự giáo dục, sự dạy dỗ	